TỔNG HỢP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CUỐI HỌC KÌ 1 - LỚP 4

Họ và tên: …… **Lớp:** ……

NỘI DUNG 1: THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Đặc điểm về vị trí địa lí, giao thông của thành phố Hà Nội

- Vị trí: Trung tâm đồng bằng Bắc Bộ; có sông Hồng chảy qua → thuận lợi giao thương.
- Địa hình: Bằng phẳng. Diện tích: 3 359 km². Đất đai màu mỡ được bồi đắp bởi phù sa của các con sông lớn (sông Hồng, sông Thái Bình…).
- Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa; có 4 mùa trong năm: xuân, hạ, thu, đông.
- Giao thông: Thuận tiện đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không.

2. Đặc điểm dân cư thành phố Hà Nội

- Thành phố đông dân thứ hai Việt Nam.
- Chủ yếu là người dân tộc Kinh (người Kinh chiếm 99%, ngoài ra có người Tày, Mường,…).
- Số lượng dân cư trên đà tăng (tính đến năm 2030 có thể lên tới 10 triệu người).
- Phân bố dân cư không đồng đều, tập trung đông ở khu vực trung tâm, thưa hơn ở khu vực ngoại thành

3. Kể tên một số dấu mốc lịch sử của Hà Nội

- Thăng Long tứ trấn: Chỉ 4 ngôi đền thờ 4 vị thần, trấn giữ 4 phía của Hà Nội: đền Bạch Mã, đền Voi Phục, đền Kim Liên, đền Quán Thánh.
- Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm): Thế kỉ XV – Sự tích Vua Lê Lợi trả gươm cho Rùa thần.
- Thành Hà Nội: Năm 1882 – Tổng đốc Hoàng Diệu kiên cường bảo vệ Thành chống quân Pháp.
- Quảng trường Ba Đình: Ngày 2 tháng 9 năm 1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Bác Hồ đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không": 12 ngày đêm năm 1972. Chiến thắng này đã buộc Mĩ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và kí kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam.

4. Vì sao Hà Nội được coi là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học lớn của nước ta?

- Trung tâm chính trị: Là nơi đặt trụ sở làm việc của các cơ quan lãnh đạo cao nhất nhà nước (ví dụ: Trụ sở Bộ Ngoại giao).
- Trung tâm kinh tế: Có nhiều nhà máy; có nhiều khu công nghiệp.
- Trung tâm khoa học: Có nhiều viện nghiên cứu.
- Trung tâm văn hóa: Có nhiều trường đại học; nhiều bảo tàng; Thư viện Quốc gia…
- UNESCO trao tặng danh hiệu "Thành phố vì hòa bình" (năm 1999).

5. Vì sao vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La?

- Đây là vùng đất ở trung tâm của đất nước.
- Đất rộng lại bằng phẳng.
- Dân cư không khổ vì ngập lụt.
- Muôn vật phong phú, tốt tươi.
- Năm 1010, Vua Lý Thái Tổ chọn vùng đất Đại La làm kinh đô.

NỘI DUNG 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

6. Nêu một số đặc điểm thiên nhiên của Trung du và miền núi phía Bắc (vị trí địa lí, địa hình, khí hậu)

- Vị trí địa lí: Vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta. Phía Bắc giáp Trung Quốc; phía Tây giáp Thượng Lào; phía Đông giáp Đồng bằng Bắc Bộ và biển; phía Nam giáp Bắc Trung Bộ.
- Địa hình: Chủ yếu là đồi núi; dãy Hoàng Liên Sơn cao và đồ sộ.
- Miền núi: Đỉnh nhọn; sườn dốc; thung lũng hẹp và sâu.
- Trung du: Đỉnh tròn; sườn thoải; xếp cạnh nhau như bát úp.
- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nhất nước ta.
- Sông ngòi: Sông lớn nhiều thác ghềnh (sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Gâm,…).
- Khoáng sản: Phong phú bậc nhất (than đá, a-pa-tít, đá vôi,…).
- Ảnh hưởng: Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, trồng cây công nghiệp, dược liệu, du lịch. Gặp khó khăn trong sinh hoạt, sản xuất do địa hình chia cắt, thiên tai (lũ, sạt lở, sương muối,…).

7. Cách thức khai thác tự nhiên

- Ruộng bậc thang: Xẻ sườn núi thành bậc phẳng trồng lúa nước; đảm bảo lương thực, hạn chế phá rừng, thúc đẩy du lịch.
- Thủy điện: Cung cấp điện cho sinh hoạt; giảm lũ cho vùng đồng bằng. Nhà máy thủy điện: Hòa Bình, Sơn La, Thác Bà.
- Khai thác khoáng sản: Hoạt động kinh tế quan trọng. Dùng làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp: sản xuất điện (than), luyện kim (khoáng sản kim loại), phân lân (a-pa-tít), xây dựng (đá vôi).

8. Dân cư và văn hóa

- Dân cư: Thưa thớt; phân bố không đồng đều. Các dân tộc: Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,…
- Lễ hội: Cầu một năm mạnh khỏe, may mắn; mùa màng bội thu.

Lễ hội Gầu Tào: Người Mông; tổ chức đầu năm; nghi lễ và hoạt động vui chơi (múa khèn, đẩy gậy,…).

- Lễ hội Lồng Tồng: Người Tày, Nùng; tổ chức ở cánh đồng, khu đất rộng; nghi lễ, trò chơi dân gian (tung còn, kéo co, đẩy gậy,…).

- Hát Then: Diễn xướng (Tày, Nùng, Thái); tổ chức dịp lễ quan trọng; mong điều may mắn, cuộc sống tốt lành.
- Xòe: Múa truyền thống (Thái); biểu diễn dịp lễ, tết, ngày vui; thể hiện ước mơ, khát vọng, niềm tự hào.
- Chợ phiên vùng cao: Họp vào ngày nhất định; hàng hóa là sản phẩm của dân địa phương (thổ cẩm, công cụ), món ăn (thắng cố, cơm lam,…); nơi giao lưu, gặp gỡ, kết bạn.

9. Trình bày một số hiểu biết về Đền Hùng và ngày giỗ Tổ Hùng Vương

- Đền Hùng: Thuộc Việt Trì, Phú Thọ. Gồm Đền Trung, Lăng Vua Hùng, Đền Hạ, Đền Thượng.
- Giỗ Tổ Hùng Vương: Mồng 10 tháng Ba (âm lịch); tôn vinh công lao dựng nước của các Vua Hùng.
- Nghi thức: Rước kiệu vua; lễ dâng hương.
- Hội: Thi gói bánh chưng, giã bánh giầy; hát Xoan; đấu vật.
- Truyền thuyết: Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Sơn Tinh, Thủy Tinh.

NỘI DUNG 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

10. Đặc điểm về vị trí địa lí, địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ

- Vị trí: Nằm ở phía Bắc nước ta; tiếp giáp Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và vịnh Bắc Bộ.
- Địa hình: Tương đối bằng phẳng; dạng hình tam giác, tiếp tục mở rộng ra biển.
- Sông ngòi: Hệ thống sông tỏa khắp vùng (có hệ thống đê ngăn lũ); cung cấp nước và phù sa lớn.
- Đất đai: Chủ yếu đất phù sa màu mỡ; sinh vật tự nhiên phong phú.
- Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa; mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hè nóng, mưa nhiều.
- Ảnh hưởng:

+ Thuận lợi: giao lưu, trao đổi, cung cấp nước,…

+ Khó khăn: nhiệt độ thấp → ảnh hưởng cây trồng, con người; gây ngập lụt vào mùa hạ khi mưa nhiều.

11. Dân cư và văn hóa

- Dân cư: Tập trung đông đúc; chủ yếu người Kinh và một số dân tộc khác (Sán Dìu, Mường,…).
- Lễ hội: Tổ chức vào mùa xuân; cầu một năm mạnh khỏe, mùa màng bội thu. Hội Lim, hội chùa Hương, hội Gióng, lễ hội Phủ Giày, lễ hội Cổ Loa. Mặc trang phục truyền thống; tổ chức tế lễ, hoạt động vui chơi (đánh đu, đấu vật, kéo co, cờ người).
- Nhà ở trước đây: Đắp bằng đất hoặc xây gạch, lợp mái ngói; thường có ba gian.
- Nhà ở ngày nay: Thay đổi theo hướng hiện đại, tiện nghi.
- Làng quê truyền thống: Thường có lũy tre, cổng làng, cây đa, giếng nước, sân đình. Đình là nơi thờ Thành hoàng, xây ở trung tâm, diễn ra hoạt động sinh hoạt chung.

12. Hoạt động sản xuất truyền thống

- Trồng lúa nước: Vùng trồng lúa lớn thứ hai cả nước. Đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân giàu kinh nghiệm.

- Hoạt động khác: Trồng cây ăn quả; chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản.
- Nghề thủ công: Nghề thủ công phát triển → tạo các làng nghề. Sản phẩm sử dụng trong đời sống hằng ngày hoặc xuất khẩu.
- Làng gốm Bát Tràng; làng thêu ren Văn Lâm; làng đúc đồng Đại Bái; làng chạm bạc Đồng Xâm.
- Đắp đê và trị thủy: Đê đắp dọc 2 bên bờ sông giúp ngăn nước lũ tràn vào đồng ruộng. Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống đê dài hàng nghìn ki-lô-mét. Ngày càng được đắp cao và vững chắc hơn.

13. Sông và nền văn minh sông Hồng

- Sông Hồng: Bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy trên lãnh thổ Việt Nam 556 km. Tên gọi khác: Nhị Hà, Hồng Hà, Xích Đằng, Kẻ Chợ, Cái,…
- Đời sống vật chất cư dân Việt cổ: Lương thực chính chủ yếu gạo nếp; ở nhà sàn, đi thuyền; nam cởi trần, nữ mặc váy, áo yếm; trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, thủy lợi.
- Đời sống tinh thần: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thần; nhuộm răng đen, ăn trầu,…
- Thành tựu tiêu biểu: Hình thành nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ (cách nay khoảng 2700 năm).
- Nhà nước Văn Lang: Hùng Vương; Phong Châu (Phú Thọ).
- Nhà nước Âu Lạc: An Dương Vương; Cổ Loa (Đông Anh).
- Trống đồng Đông Sơn: Được phát hiện lần đầu ở làng Đông Sơn (Thanh Hóa); trống đồng Đông Sơn có nhiều loại, đẹp nhất là trống đồng: Ngọc Lũ; được sử dụng là nhạc cụ, dùng trong lễ hội.
- Thành Cổ Loa: Thuộc Đông Anh, Hà Nội; ba vòng khép kín: thành nội, thành trung, thành ngoại.
- Chấm dứt thời kỳ nguyên thủy, mở đầu thời kỳ văn minh của nước ta.

14. Văn Miếu – Quốc Tử Giám

- Nằm ở phía Nam kinh thành Thăng Long (số 58 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội); được bắt đầu xây dựng từ triều đại nhà Lý.
- Văn Miếu: Xây dựng năm 1070; nơi thờ Khổng Tử và các học trò; cổng Văn Miếu, nhà bia Tiến sĩ, khu Đại Thành.
- Quốc Tử Giám: Xây dựng năm 1076; nơi học của các hoàng tử, con gia đình quý tộc, quan lại, người tài trong nước; khu Thái Học.
- Công trình tiêu biểu – Khuê Văn Các: Hai tầng, tám mái; bốn trụ trang trí phù điêu rồng thân hoa lá; bốn cửa sổ tròn ở bốn phía, tượng trưng cho sao Khuê.
- Nhà bia Tiến sĩ: 82 bia đá khắc tên người đỗ tiến sĩ từ thời Hậu Lê, Mạc. Phần trán bia hình vòm, khắc các họa tiết trang trí và đế bia hình rùa. Ghi danh người đỗ đạt và khuyến khích tinh thần hiếu học. UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới (năm 2010).